## UNIT 6: VIET NAM: THEN AND NOW
## Lesson 1: GETTING STARTED

*** Vocabulary: ( Luyện đọc và chép từ vựng vào vở)**

| | | |
|---|---|---|
| 1. thatched house(n): |  | Nhà tranh |
| 2. straw (n): |  | rơm |
| 3. trench (n): |  | hào, rãnh |
| 5. tiled roof (n): |  | lợp ngói |
| 6. rubber sandals (n): |  | dép cao su |

## UNIT 6: VIET NAM: THEN AND NOW
## Lesson 1: GETTING STARTED

*** Check vocabulary: Look at the picture and write**

| | |
|---|---|
| 1. |  |
| 2. |  |
| 3. |  |
| 5. |  |
| 6. |  |

LIVEWORKSHEETS

LIVEWORKSHEETS